

CÔNG TY CỔ PHẦN SEN - HOLDINGS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SEN - HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEN - HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109449114

3. Ngày thành lập: 09/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô A35 – BTSL6, Ô 18 Khu A - Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn - Geleximco, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917790246

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
2.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
4.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
5.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
6.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
7.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8.	Xây dựng nhà để ở	4101
9.	Xây dựng nhà không để ở	4102
10.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
11.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
12.	Xây dựng công trình điện	4221
13.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
15.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
16.	Xây dựng công trình thủy	4291
17.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
18.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
20.	Phá dỡ	4311
21.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới (Khoản 27 điều 1 Quyết định 2934/QĐ-BKHCN) - Thi công xây dựng công trình (Khoản 32 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)	4390
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)	4620
28.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
29.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
30.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ loại Nhà nước cấm)	4652
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
32.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (Điều 6 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4931
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 4, 7,8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933

39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch (Điều 6 Nghị định 110/2014/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định 128/2018/NĐ-CP)	5021
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động hàng không)	5229
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
43.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810(Chính)
44.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) - Sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820

45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc - Giám sát thi công xây dựng cơ bản - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. (Khoản 9,33 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ đấu thầu (Điều 4 Luật đấu thầu 2013) - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 8, 28 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ lập quy hoạch xây dựng (Khoản 27 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ tư vấn quản lý dự án (Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng năm 2014) - Dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 156 Luật Xây dựng năm 2014 và Khoản 35 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) - Khảo sát xây dựng (Khoản 26, Điều 1 Nghị Định 100/2018/NĐ-CP) -Kiểm định xây dựng (Khoản 34, Điều 1 Nghị Định 100/2018/NĐ-CP)	7110
46.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
51.	Đại lý du lịch	7911
52.	Điều hành tua du lịch	7912
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. **Vốn điều lệ:** 120.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HỒ SỸ HÒA	P403 nhà 17T1 ĐT Trung Hòa – Nhân Chính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.600.000	66.000.000.000	55,000	040073000037	
			Tổng số	6.600.000	66.000.000.000	55,000		
2	TRẦN QUANG VIỆT	34 Tổ 3 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.600.000	36.000.000.000	30,000	111286989	
			Tổng số	3.600.000	36.000.000.000	30,000		
3	HỒ VĂN HƯƠNG	tổ 50 đường Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800.000	18.000.000.000	15,000	040078000346	
			Tổng số	1.800.000	18.000.000.000	15,000		

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	--	-----------	---	---------

10. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: TRẦN QUANG VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/04/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111286989

Ngày cấp: 13/08/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 34 Tổ 3 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 34 Tổ 3 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội